

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Công ty") đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên/ Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên
Ông Fuco Rudyanto Chandra	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Trà	Giám đốc Tài chính
Ông Phan Thanh Huân	Giám đốc Điều hành
Ông Lâm Thái Bảo	Giám đốc Kinh doanh
Ông Trần Quốc Khôi	Giám đốc Kỹ thuật

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



NGUYỄN BÁ TRÍ

Chủ tịch

Ngày 08 tháng 03 năm 2012

Số: 180 /DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính Hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí và các công ty con ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2012, từ trang 3 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

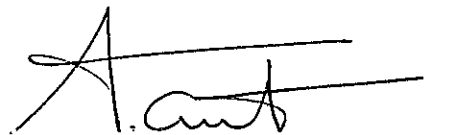
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182 /KTV

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 03 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		282.854.271.796	231.338.942.243
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.051.010.221	7.477.268.782
1. Tiền	111		9.051.010.221	7.477.268.782
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	103.954.401.002	94.257.112.063
1. Phải thu khách hàng	131		46.177.716.219	58.238.154.652
2. Trả trước cho người bán	132		8.172.146.356	15.945.009.054
5. Các khoản phải thu khác	135		50.338.573.057	20.563.915.969
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(734.034.630)	(489.967.612)
III. Hàng tồn kho	140	6	164.800.501.908	121.591.262.387
1. Hàng tồn kho	141		164.800.501.908	121.591.262.387
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.048.358.665	8.013.299.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.002.636.105	201.405.700
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		754.282.889	1.214.013.006
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		20.522.769	38.530.407
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	3.270.916.902	6.559.349.898
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.689.788.532	63.730.681.111
I. Tài sản cố định	220		50.425.011.797	33.871.055.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	34.418.008.096	33.655.775.905
Nguyên giá	222		47.909.877.989	44.674.127.590
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.491.869.893)	(11.018.351.685)
2. Tài sản thuê tài chính	224	9	15.536.666.667	-
Nguyên giá	225		15.800.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(263.333.333)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	189.744.219	215.279.711
Nguyên giá	228		369.453.092	333.413.092
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(179.708.873)	(118.133.381)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		280.592.815	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	25.920.000.000	28.570.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.600.000.000	18.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.320.000.000	10.320.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.344.776.735	1.289.625.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.606.776.735	1.289.625.495
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.738.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		362.544.060.328	295.069.623.354

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

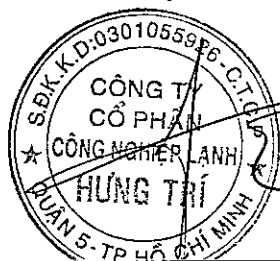
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN


Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		236.527.334.392	194.046.477.864
I. Nợ ngắn hạn	310		218.232.688.097	185.493.985.818
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	54.456.330.250	31.054.697.781
2. Phải trả người bán	312		50.416.752.449	23.155.200.704
3. Người mua trả tiền trước	313		75.998.148.802	117.031.595.565
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.650.057.018	2.029.847.200
5. Phải trả công nhân viên	315		346.851.896	433.119.408
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		27.568.741.121	7.202.627.527
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	15	2.007.974.082	1.651.166.787
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.787.832.479	2.935.730.846
II. Nợ dài hạn	330		18.294.646.295	8.552.492.046
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	17.985.056.000	8.346.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		309.590.295	206.492.046
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	30	117.410.555.287	95.521.027.657
I. Vốn chủ sở hữu	410		117.410.555.287	95.521.027.657
1. Vốn điều lệ	411	17	80.591.400.000	57.021.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.536.448.000	9.187.948.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(445.179.190)	(302.130.868)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.761.359.752	5.205.834.913
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.997.978.579	2.007.156.450
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(66.054.480)	26.917.458
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.034.602.626	22.374.261.704
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	440	19	8.606.170.649	5.502.117.833
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		362.544.060.328	295.069.623.354

**ĐẶNG ANH TÂM**

Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2012



PHAN QUANG VINH
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng	01		418.930.256.894	265.129.932.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(26.392.000)	(9.250.000)
Hàng bán bị trả lại			(26.392.000)	(9.250.000)
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	20	418.903.864.894	265.120.682.362
4. Giá vốn hàng bán	11	21	(339.064.471.584)	(199.915.437.975)
5. Lợi nhuận gộp	20		79.839.393.310	65.205.244.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	459.290.525	285.739.067
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	(10.471.450.340)	(5.340.188.012)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(8.754.764.554)	(4.824.133.435)
8. Chi phí bán hàng	24	24	(3.525.456.012)	(3.344.513.793)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	(41.290.019.617)	(29.907.359.520)
10. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		25.011.757.866	26.898.922.129
11. Thu nhập khác	31		3.774.302.198	1.275.788.650
12. Chi phí khác	32		(1.672.333.169)	(132.653.777)
13. Lợi nhuận khác	40		2.101.969.029	1.143.134.873
14. Lãi kế toán trước thuế	50		27.113.726.895	28.042.057.002
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	26	(3.534.066.665)	(5.091.648.526)
16. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.579.660.230	22.950.408.476
<i>Phân bổ cho:</i>				
16.1 Cổ đông của Công ty			22.388.112.748	22.237.823.718
16.2 Lợi ích của cổ đông thiểu số			1.191.547.482	712.584.758
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	27	3.047	4.680



DANG ANH TÂM
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2012

PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1, Lãi trước thuế	01	27.113.726.895	28.042.057.002
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.280.684.075	2.128.949.995
Các khoản dự phòng	03	600.874.313	149.479.214
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.948.054.996	(155.905.495)
Chi phí lãi vay	04	8.754.764.554	4.824.133.435
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42.698.104.833	34.988.714.151
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(4.388.766.256)	(27.465.640.185)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(43.209.239.521)	(56.595.303.183)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	7.908.756.042	58.379.073.896
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.118.381.645)	167.979.202
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.144.925.028)	(4.824.133.435)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.261.929.253)	(6.108.250.823)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.738.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.254.380.828)	(1.457.560.377)
II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.438.378.749)	(5.217.165.062)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	39.974.022	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(19.434.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	400.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	459.290.525	285.739.067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.539.114.202)	(24.365.425.995)
III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp	31	21.918.860.000	15.790.248.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	89.509.439.877	61.214.361.889
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(71.604.751.408)	(47.803.683.326)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.456.312.000)	(1.754.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.367.236.469	27.446.426.563
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.573.741.439	1.623.440.191
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.477.268.782	5.853.828.591
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.051.010.221	7.477.268.782

**ĐẶNG ANH TÂM**

Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2012

PHAN QUANG VINH

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí ("Công ty") và năm (5) công ty con như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301055926 ngày 16 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị vật tư ngành điện - nước, điện tử, điện lạnh, máy văn phòng, máy vi tính, công nghệ phẩm, bách hóa, nông thủy hải sản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ kỹ thuật: Thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống điện (sau điện kế), điện tử, điện lạnh, tin học, hệ thống cung cấp nước (sau thủy kế). Sản xuất gia công sản phẩm cơ khí. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Mua bán thức ăn gia súc, thức ăn nuôi thủy sản, nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi, bao bì các loại, thiết bị môi trường, hoa tươi, rau củ quả. Sản xuất bao bì giấy carton, nhựa. Dịch vụ thương mại. Thiết kế tạo mẫu trên máy vi tính (Không chế bản in), photocopy đen trắng (sao chụp). Sản xuất hệ thống làm lạnh công nghiệp.

Trụ sở của Công ty đặt tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con

Công ty TNHH Hoàng Tâm là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304167353 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2006, và giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, lắp ráp, lắp đặt vật tư thiết bị cơ điện lạnh. Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường. Sản xuất các thiết bị phục vụ chế biến nông - thủy sản, thiết bị sử dụng cho tàu thuyền. Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí. Dịch vụ tư vấn, lắp đặt cơ điện lạnh. Công ty nắm giữ 95% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Tâm.

Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309112206 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2009. Hoạt động chính của công ty là thiết kế công trình điện năng; thiết kế công trình điện công nghiệp, dân dụng; thiết kế các công trình chiếu sáng via hè. Lắp đặt hệ thống điện; cấp - thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; thiết bị làm lạnh công nghiệp; điện lạnh; máy sản xuất nước đá; thiết bị lọc nước và tinh chế nước; hệ thống điện tử, tin học. Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; thiết bị làm lạnh công nghiệp; điện lạnh; máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị điện tử; hệ thống điện. Sản xuất máy sản xuất nước đá; vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường; sản phẩm cơ khí; gia công cơ khí; nước khoáng; nước tinh khiết đóng chai; thiết bị lạnh công nghiệp; tủ lạnh; hệ thống làm lạnh công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất nước đá. Bán buôn máy móc, thiết bị vật tư ngành điện, nước, điện lạnh, máy văn phòng; máy vi tính, điện tử, thiết bị ngoại vi; thực phẩm, nông sản; nước uống đóng chai; nước đá. Bán lẻ máy móc, thiết bị vật tư ngành điện, nước, điện lạnh, máy văn phòng; thực phẩm, nông thủy sản; nước đá. Đại lý giao nhận hàng hóa. Công ty nắm giữ 95% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí.

Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309116112 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 07 năm 2009. Hoạt động chính của công ty là lắp đặt hệ thống điện; hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thiết bị lạnh công nghiệp - điện lạnh; hệ thống điện, tin học. Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thiết bị lạnh công nghiệp - điện lạnh; máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị điện tử; hệ thống điện (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thiết bị phân phối và điều khiển điện (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Công ty nắm giữ 90% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Kho Vận Chuyên Nghiệp ETC là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 2500235476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 01 năm 2005. Hoạt động chính của công ty là tinh chế, đóng gói hàng hóa và bảo quản hàng nông sản thực phẩm trong nước và xuất khẩu; vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe container, bốc xếp hàng hóa; sản xuất nước đá tinh khiết; lắp, ráp, cung cấp, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật trong ngành lạnh công nghiệp; cho thuê kho lạnh; Sản xuất bao bì carton. Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kho vận Chuyên Nghiệp ETC.

Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp Thuận Hải là Công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 3400378578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19 tháng 03 năm 2004. Hoạt động chính của công ty là cho thuê kho lạnh; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; cho thuê xe; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; sản xuất bao bì; và dịch vụ đóng gói. Công ty nắm giữ 54% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp Thuận Hải. Ngày 01 tháng 11 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp Thuận Hải cho Công ty TNHH Hải Thuận và ông Bùi Chí Thuận với giá bán bằng giá trị đã đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính (5 năm) tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	514.187.089	499.470.848
Tiền gửi ngân hàng	8.536.823.132	6.977.797.934
VNĐ	8.507.672.192	6.935.823.573
Ngoại tệ	29.150.940	41.974.361
	<u>9.051.010.221</u>	<u>7.477.268.782</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	46.177.716.220	58.238.154.652
Trả trước cho người bán	8.172.146.356	15.945.009.054
Phải thu khác	50.338.573.056	20.563.915.969
	<u>104.688.435.632</u>	<u>94.747.079.675</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	<u>(734.034.630)</u>	<u>(489.967.612)</u>
	<u>103.954.401.002</u>	<u>94.257.112.063</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên vật liệu	52.194.285.818	45.623.015.547
Công cụ dụng cụ	146.272.452	187.016.405
Chi phí sản xuất dở dang	112.399.478.625	75.507.903.948
Thành phẩm	60.465.013	273.326.487
	<u>164.800.501.908</u>	<u>121.591.262.387</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>-</u>
	<u>164.800.501.908</u>	<u>121.591.262.387</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.002.636.105	201.405.700
Thuế VAT được khấu trừ	754.282.889	1.214.013.006
Các khoản thuế phải thu	20.522.769	38.530.407
Tài sản ngắn hạn khác	3.270.916.902	6.559.349.898
	<u>5.048.358.665</u>	<u>8.013.299.011</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2011	25.416.615.688	3.166.977.910	14.236.755.544	1.853.778.448	44.674.127.590
Tăng	1.284.511.518	-	3.065.938.640	771.295.776	5.121.745.934
Phân loại lại	(997.118.156)	-	(812.119.491)	(76.757.888)	(1.885.995.535)
Tại ngày 31/12/2011	<u>25.704.009.050</u>	<u>3.166.977.910</u>	<u>16.490.574.693</u>	<u>2.548.316.336</u>	<u>47.909.877.989</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	(6.099.561.731)	(1.523.200.350)	(2.467.782.237)	(927.807.367)	(11.018.351.685)
Khấu hao trong năm	(1.361.165.265)	(356.749.224)	(1.200.998.185)	(36.862.576)	(2.955.775.250)
Thanh lý	241.803.099	-	220.105.877	20.348.066	482.257.042
Tại ngày 31/12/2011	<u>(7.218.923.897)</u>	<u>(1.879.949.574)</u>	<u>(3.448.674.545)</u>	<u>(944.321.877)</u>	<u>(13.491.869.893)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	<u>19.317.053.957</u>	<u>1.643.777.560</u>	<u>11.768.973.307</u>	<u>925.971.081</u>	<u>33.655.775.905</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>18.485.085.153</u>	<u>1.287.028.336</u>	<u>13.041.900.148</u>	<u>1.603.994.459</u>	<u>34.418.008.096</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và 15, Công ty đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 14.744.786.360 VNĐ (năm 2010: 15.311.893.520 VNĐ) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Điện Biên Phủ.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị
NGUYÊN GIÁ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2011	-
Tăng trong năm	15.800.000.000
Tại ngày 31/12/2011	<u>15.800.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2011	-
Khấu hao trong năm	(263.333.333)
Tại ngày 31/12/2011	<u>(263.333.333)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2011	-
Tại ngày 31/12/2011	<u>15.536.666.667</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
NGUYÊN GIÁ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2011	333.413.092
Addition	36.040.000
Tại ngày 31/12/2011	<u>369.453.092</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2011	(118.133.381)
Khấu hao trong năm	(61.575.492)
Tại ngày 31/12/2011	<u>(179.708.873)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2011	<u>215.279.711</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>189.744.219</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

		31/12/2011	01/01/2011
		VNĐ	VNĐ
Góp vốn liên doanh, liên kết	(*)	15.600.000.000	18.250.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(**)	10.320.000.000	10.320.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
		25.920.000.000	28.570.000.000

(*) Chi tiết như sau:

		31/12/2011	01/01/2011
		VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Kho Lạnh Phú Mỹ		-	2.250.000.000
Cty TNHH Bao Bì & Cơ Điện lạnh Ba Huân		15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Thủy Sản Phú Thọ		600.000.000	1.000.000.000
		15.600.000.000	18.250.000.000

Ngày 18 tháng 08 năm 2009, Công ty TNHH Hoàng Tâm đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty TNHH Ba Huân thành lập Công ty TNHH Bao Bì & Cơ Điện Lạnh Ba Huân với số vốn điều lệ ban đầu là 20.000.000.000VNĐ, ngày 04 tháng 05 năm 2010 vốn điều lệ tăng lên thành 30.000.000.000 VNĐ, và tỷ lệ góp vốn là 50/50. Mục đích của liên doanh là để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng hút định hình làm hộp đứng trứng gà, vịt và kho hàng trên lô đất có diện tích 29.859,2 m² tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH Hoàng Tâm đã chuyển số vốn góp là 15.000.000.000 đồng.

(**) Chi tiết như sau:

		31/12/2011	01/01/2011
		VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản An Phú		10.000.000.000	10.000.000.000
C.ty TNHH Thiết bị lạnh Hưng Trí, Long An		200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Hải Việt		120.000.000	120.000.000
		10.320.000.000	10.320.000.000

Các công ty liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn chưa tiến hành lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, do đó các khoản góp vốn liên doanh được phản ánh theo giá gốc.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	1.289.625.495	1.596.285.559
Tăng trong năm	641.271.345	8.984.804
Phân bổ vào chi phí trong năm	(324.120.105)	(315.644.868)
Thanh lý trong năm	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	1.606.776.735	1.289.625.495

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty và Chi phí thuê cơ sở hạ tầng của công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC. Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 36 tháng (theo quy định tại Điều 7.2, Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	18.718.102.953	14.988.350.231
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Điện Biên Phủ	12.058.119.950	2.901.700.000
Công ty TNHH Tin học Anh Quân	3.000.000.000	-
Vay cá nhân	15.183.163.347	11.058.647.550
Nợ dài hạn đến hạn trả	5.496.944.000	2.106.000.000
	<u>54.456.330.250</u>	<u>31.054.697.781</u>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Chợ Lớn theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 32.000.000.000 VNĐ và sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 02 năm 2012. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là căn nhà số 8 đường Mỹ Thái 1A, khu phố Mỹ Thái 1-S14&S20, phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Bùi Quốc Hưng và bà Lê Thị Phương Anh; và căn nhà số 60P Đường Lê Thị Riêng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Bá Trí và Bà Huỳnh Anh Thư. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của BIDV. Lãi vay được thanh toán hàng tháng; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác. Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 22.000.000.000 VNĐ và sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 03 năm 2012. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Sacombank. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Công ty đã sử dụng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 51 Trần Phú, phường 4, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 8).

Khoản vay ngắn hạn từ Công ty TNHH Tin học Anh Quân theo hình thức tín chấp và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản vay này chịu lãi suất 1,5%/tháng.

Các khoản vay cá nhân có thời hạn là 12 tháng với lãi suất thỏa thuận dựa theo lãi suất cùng thời hạn của các ngân hàng thương mại công bố tại ngày nhận nợ.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế Giá trị gia tăng	103.924.838	320.480.538
Thuế Nhập khẩu	45.354.638	282.268
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	3.365.440.913	1.677.946.949
Thuế Thu nhập cá nhân	135.336.629	31.137.445
	<u>3.650.057.018</u>	<u>2.029.847.200</u>

15. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Công ty áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Điện Biên Phủ	6.428.000.000	7.196.000.000
Ngân hàng Công Thương Bình Thuận	580.000.000	1.150.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài Chính - ACB	10.977.056.000	-
	<u>17.985.056.000</u>	<u>8.346.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Tại ngày 26 tháng 12 năm 2007, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Điện Biên Phủ với số tiền 11.500.000.000 VNĐ. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 20 tháng 3 năm 2008 đến ngày 26 tháng 12 năm 2022. Khoản vay chịu lãi suất 0.93%/tháng cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân, và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm định kỳ 13 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng thêm 0.27% kể từ năm thứ 2 trở đi và được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 51 Trần Phú, phường 4, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này (Thuyết minh số 8).

Tại ngày 16 tháng 11 năm 2006, Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp Thuận Hải ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận với số tiền 4.000.000.000 VNĐ. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 16 tháng 5 năm 2007. Khoản vay này chịu lãi suất 1.1%/tháng cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng Thế chấp Tài sản số 06250011/HĐTC ngày 14/12/2006.

Ngày 05 tháng 10 năm 2011, Công ty ký khế ước nhận nợ số 01-01.10.11/HĐCTTC-HT của Hợp đồng thuê tài chính số 02.10.11/HĐCTTC-HT ngày 04/10/2011 với số tiền 13.903.000.000 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất từ ngày 05/10/2011 đến ngày 04/01/2012 là 20%/năm, từ ngày 05/01/2012 trở đi lãi suất cho thuê thay đổi theo công thức: Lãi suất 13 tháng + 7%/năm. Mục đích thuê là bảo quản hàng thực phẩm, dược phẩm. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thuê tài chính, thời gian ân hạn là 03 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là khoản ký cược của Công ty: giá trị thuê tài sản x 10% và Công ty cam kết dùng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ thuê tài chính.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	01/01/2011
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	5.496.944.000	2.106.000.000
Trong năm thứ hai	5.042.944.000	1.338.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.942.112.000	7.008.000.000
Sau năm năm	-	-
	23.482.000.000	10.452.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(5.496.944.000)	(2.106.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	17.985.056.000	8.346.000.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty 80.591.400.000 VNĐ (năm 2010: 50.000.000.000 VNĐ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy Đăng ký kinh doanh		Vốn thực góp			
			31/12/2011		31/12/2010	
	VNĐ	%	VNĐ	%	VNĐ	%
Ông Nguyễn Bá Trí	24.727.560.000	30.68	24.727.560.000	30.68	18.876.000.000	33.10
Ông Đặng Anh Tâm	10.520.930.000	13.05	10.520.930.000	13.05	8.031.250.000	14.08
Ông Bùi Quốc Hưng	10.303.150.000	12.78	10.303.150.000	12.78	7.865.000.000	13.79
Các cổ đông khác	35.039.760.000	43.48	35.039.760.000	43.48	22.248.790.000	39.02
	80.591.400.000	100	80.591.400.000	100	57.021.040.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo Tài chính Hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức		
Cổ tức năm trước chi bằng tiền	5.537.452.000	1.754.500.000
Cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	12.918.860.000	8.772.500.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
	<u>18.456.312.000</u>	<u>10.527.000.000</u>

	31/12/2011	01/01/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.059.140	5.702.104
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.059.140	5.702.104
- Cổ phiếu phổ thông	8.059.140	5.702.104
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.059.140	5.702.104
- Cổ phiếu phổ thông	8.059.140	5.702.104
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong các công ty con của Công ty. Tình hình biến động của cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	5.502.117.833	3.269.994.752
Vốn góp trong năm của các cổ đông thiểu số	2.532.000.000	2.768.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số	1.191.547.482	712.584.758
Phân chia lợi nhuận cho các cổ đông thiểu số	(619.494.666)	(1.248.461.677)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>8.606.170.649</u>	<u>5.502.117.833</u>

20. DOANH THU

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	56.069.320.187	45.474.501.130
- Doanh thu công trình	358.442.309.449	217.425.098.164
- Doanh thu dịch vụ	4.418.627.258	2.230.333.068
	<u>418.930.256.894</u>	<u>265.129.932.362</u>
Các khoản giảm trừ		
- Hàng bán bị trả lại	(26.392.000)	(9.250.000)
	<u>418.903.864.894</u>	<u>265.120.682.362</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Trong đó:		
- Giá vốn của thành phẩm	304.538.578.934	174.827.582.775
- Giá vốn của hàng hóa	34.525.892.650	25.087.855.200
	<u>339.064.471.584</u>	<u>199.915.437.975</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	459.290.525	285.739.067
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
	<u>459.290.525</u>	<u>285.739.067</u>

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	8.283.607.331	4.824.133.435
Chi phí thuê tài chính	471.157.223	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	1.125.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	591.685.786	516.054.577
	<u>10.471.450.340</u>	<u>5.340.188.012</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí bao bì	147.929.411	38.769.982
Chi phí công cụ, dụng cụ	148.140.632	67.939.178
Chi phí bảo hành	657.764.435	1.196.269.301
Chi phí khấu hao	469.367.725	233.272.710
Chi phí vận chuyển	561.168.686	380.365.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.168.031.244	933.377.506
Chi phí khác bằng tiền	373.053.879	494.519.780
	<u>3.525.456.012</u>	<u>3.344.513.793</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	24.699.687.001	17.064.930.374
Chi phí dự phòng	778.428.370	196.598.006
Chi phí đồ dùng văn phòng	627.674.286	629.800.253
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.377.214.438	1.679.555.717
Thuế, phí và lệ phí	1.285.184.722	678.196.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.107.774.578	3.797.959.789
Chi phí khác	8.414.056.222	5.860.319.340
	<u>41.290.019.617</u>	<u>29.907.359.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	27.113.726.895	28.042.057.002
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.011.604.844	310.068.375
Thu nhập chịu thuế	28.125.331.739	28.352.125.377
+ Thuế suất phổ thông	25%	25%
+ Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.892.296.078	5.932.758.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.358.229.413)	(841.109.813)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.534.066.665	5.091.648.526

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH Hoàng Tâm có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2006) và được giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp ETC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm 2005, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2008) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.388.112.748	22.237.823.718
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.388.112.748	22.237.823.718
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.347.736	4.751.760
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.047	4.680

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí Nguyên vật liệu	482.726.299.596	314.819.721.523
Chi phí nhân công	29.768.610.919	19.902.825.697
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.778.471.726	1.879.254.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.043.104.073	16.743.874.194
Chi phí khác	10.310.451.424	8.000.316.970
546.626.937.738	361.345.993.351	

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

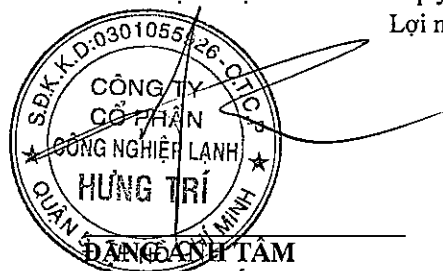
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

30. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ Đầu tư & Phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2010	35.090.000.000	6.556.240.000	(220.973.103)	2.884.775.033	1.146.626.510	(40.612.482)	16.682.016.110	62.098.072.068
Tăng vốn trong năm	21.931.040.000	2.631.708.000	-	-	-	-	-	24.562.748.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	22.237.823.718	22.237.823.718
Trích quỹ	-	-	-	2.321.059.880	860.529.940	860.529.940	(4.042.119.760)	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	(1.976.458.364)	(1.976.458.364)
Chi từ quỹ	-	-	(81.157.765)	-	-	(793.000.000)	-	(874.157.765)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(10.527.000.000)	(10.527.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	57.021.040.000	9.187.948.000	(302.130.868)	5.205.834.913	2.007.156.450	26.917.458	22.374.261.704	95.521.027.657
Tăng vốn trong năm	23.570.360.000	(6.151.500.000)	-	-	-	-	-	17.418.860.000
Lợi nhuận	-	4.500.000.000	-	-	-	-	22.388.112.748	26.888.112.748
Trích quỹ	-	-	-	1.555.524.839	1.990.822.129	1.152.028.062	(4.698.375.030)	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	(2.573.084.796)	(2.573.084.796)
Chi từ quỹ	-	-	(143.048.322)	-	-	(1.245.000.000)	-	(1.388.048.322)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(18.456.312.000)	(18.456.312.000)
Tại ngày 31/12/2011	80.591.400.000	7.536.448.000	(445.179.190)	6.761.359.752	3.997.978.579	(66.054.480)	19.034.602.626	117.410.555.287

Ghi chú:

Lợi nhuận sau khi trích quỹ của các Công ty con 20.208.482.423
 Lợi nhuận của Công ty mẹ 19.500.531.840



ĐẶNG ANH TÂM
 Tổng Giám đốc
 Ngày 08 tháng 03 năm 2012


PHAN QUANG VINH
 Kế toán trưởng